

Số: 12 /2019/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng
thông tin, dữ liệu Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1954/TTr/STNMT ngày 10/4/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/5/2019 và bãi bỏ Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, (để B/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh,
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu VT. NN(V).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Viết Hồng

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

3. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017.

CHƯƠNG II

THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC, CHIA SẺ VÀ SỬ DỤNG

THÔNG TIN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 5. Giao nộp thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày hoàn thành nghiệm thu sản phẩm, các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ tại Khoản 4, Điều 11 của Quy chế này có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (trực tiếp là Trung tâm Công nghệ thông tin) 01 bộ thông tin, dữ liệu dạng giấy (bản chính, bản gốc hoặc bản sao được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hay xác nhận tính hợp pháp và giá trị thông tin) và một bộ thông tin, dữ liệu dạng số lưu trên đĩa CD, DVD.

2. Các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An thuộc diện phải lắp đặt thiết bị quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc truyền kết quả quan trắc môi trường tự động, liên tục trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời có trách nhiệm tự bảo quản, bảo dưỡng, duy trì và vận hành thiết bị để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu môi trường được quan trắc và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo Quy chế này. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Kiểm tra, đánh giá, xử lý, cập nhật thông tin, dữ liệu

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, kiểm tra, đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường (trực tiếp là Trung tâm Công nghệ thông tin) có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện) có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện trước khi gửi về Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Bảo quản, lưu trữ, tu bổ và bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu

a) Thông tin, dữ liệu thu thập được phải được kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá để lưu trữ, bảo quản trong các kho lưu trữ;

b) Việc lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định của pháp luật về lưu trữ, các quy định, quy trình, quy phạm và quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành;

c) Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An;

d) Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, sử dụng dữ liệu đất đai, có trách nhiệm cung cấp dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính cho Trung tâm Công nghệ thông tin cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An.

2. Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng trong hệ thống lưu trữ dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng;

b) Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với quản trị mạng, cơ quan chuyên môn về an toàn thông tin ở tỉnh thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn cơ sở dữ liệu.

Điều 8. Khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a) Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo Điều 16, 17, 18 và 19, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP;

b) Đối với trường hợp khai thác bằng hình thức là văn bản, phiếu yêu cầu: Văn bản yêu cầu của cơ quan, tổ chức phải có chữ ký của thủ trưởng cơ quan và

đóng dấu xác nhận. Phiếu yêu cầu của cá nhân phải ghi rõ họ tên, địa chỉ và chữ ký của người yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu. (Đối với trường hợp cá nhân yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu phải là chính chủ trực tiếp đang sử dụng thông tin, dữ liệu đó; nếu trường hợp không phải là chính chủ đề nghị phải có giấy ủy quyền theo đúng quy định).

Điều 9. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Sở, Ban, ngành trên địa bàn tỉnh; giữa các UBND cấp huyện; giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

a) Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật;

b) Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

c) Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

2. Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do UBND tỉnh quản lý với các Bộ, ngành trung ương và địa phương khác theo quy định.

Điều 10. Thẩm quyền cung cấp, phạm vi, mức độ, đối tượng được phép khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường

1. Thẩm quyền, phạm vi, mức độ cung cấp thông tin, dữ liệu

a) Chủ tịch UBND tỉnh cho phép cung cấp tài liệu thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Tuyệt mật, Tối mật;

b) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho phép cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường độ Mật;

c) Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho phép cung cấp sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường ngoài các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường quy định tại Điểm a, điểm b Khoản 1 Điều này.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp UBND tỉnh thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của địa phương:

a) Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, UBND cấp huyện lập và trình UBND tỉnh kế hoạch thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh theo quy định; tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt;

b) Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên trang tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Nghệ An; xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong tỉnh với các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành Trung ương;

c) Tham mưu cho UBND tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định pháp luật;

d) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, lưu trữ, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo quản cung cấp thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường; hàng năm xây dựng kế hoạch chính lý hồ sơ, tài liệu dạng giấy, quét số hóa vào phần mềm “kho lưu trữ” để xây dựng cơ sở dữ liệu ngành một cách có hệ thống, khoa học nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

đ) Giao Trung tâm công nghệ thông tin tổ chức khai thác, cung cấp thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ quản lý nhà nước theo đúng quy định; phục vụ công tác giải quyết thanh tra, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên môi trường; và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí trên địa bàn tỉnh; ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân về thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường; thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên và môi trường địa phương theo quy định;

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này;

2. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này;

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu trình UBND tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viết Hồng